

Bản án số: 53/2023/HS-PT
Ngày: 24-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín và ông Vũ Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo: Lê Văn Đ và Nguyễn Thọ . Do có kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Đ và Nguyễn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 173/2022/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Lê Văn Đ** (Tên gọi khác: Đắc K), sinh năm 1993, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Không rõ; Mẹ: bà Lê Thị Y, sinh năm 1969, hiện cư trú tại thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: có 05 tiền án, cụ thể:

- Ngày 02/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số: 13/2014/HSST. Ngày 21/01/2016 chấp hành xong về lại địa phương.

- Ngày 29/7/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số: 70/2016/HSST.

- Ngày 16/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 12 tháng

tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo bản án số: 78/2016/HSST.

- Ngày 25/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số: 88/2016/HSST.

- Ngày 29/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích và Cố ý làm hư hỏng tài sản”, theo bản án số: 113/2016/HSST. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù tại bản án số 70/2016/HSST, 12 tháng tù tại bản án số 78/2016/HSST, 18 tháng tù tại bản án số 88/2016/HSST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 04 Bản án là 07 năm 03 tháng tù. Ngày 15/03/2022 chấp hành xong về lại địa phương.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T trong vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn T** (Tên gọi khác: T đại úy), sinh năm 1986, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn L, sinh năm 1948 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1952 (đã chết); gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Vợ: Tạ Thị Như T2; con: có 01 người, sinh năm 2012; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 11/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo bản án số: 38/2017/HSST. Ngày 28/01/2022 chấp hành xong về lại địa phương.

Nhân thân:

- Ngày 25/02/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản” tại bản án số: 24/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/08/2008.

- Ngày 23/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo bản án số: 46/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/3/2014.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có 04 bị cáo khác và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết được trong kho của Công ty cổ phần T5, đang thi công công trình tuyến đường C ở thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận có nhiều tài sản như mô tơ, dây điện... nhưng không có người trông coi nên Phan Ngọc H, nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 06/5/2022, H rủ Nguyễn Văn H1 đi trộm cắp tài sản thì H1 đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, H và H1 đến công trường cao tốc để trộm cắp tài sản, khi đến H và H1 đến một thùng công tai nơ để ở bãi đất trống không ai trông coi, quan sát thấy có khóa nên H1 lấy một cục đá loại đá 4×6 đập bung ổ khóa cửa trước thùng công tai nơ, khi mở được cửa ra H và H1 thấy có rất nhiều mô tơ, dây điện bên trong; H nói với H1 về nhà để tính toán tìm cách lấy trộm.

Sau khi về lại nhà của H thì H và H1 rủ thêm Nguyễn T, Lê Văn Đ, Đinh Văn T3. Sau đó bàn bạc với nhau về việc vào lấy trộm tài sản, trong đó T3 và H1 đi tìm mượn phương tiện để chở, tất cả còn lại đi vào công trường lấy trộm tài sản trước và hẹn 22 giờ 30 phút cùng ngày 05/6/2022 thực hiện việc trộm cắp tài sản. Đến 21 giờ 00 phút ngày 05/6/2022, Hàm Trung G đến nhà H để mượn máy hàn điện để làm công việc nhà, H rủ thêm G cùng đi trộm cắp tài sản thì G đồng ý cùng thực hiện.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 05/6/2022 H, H1, Đ, T, T3 và G cùng đi đến khu vực kho của Công ty T5 và lấy trộm toàn bộ tài sản gồm 49 mô tơ (loại 4kw, 3kw, 1.5kw), 03 cuộn dây điện loại cáp đơn 4 lõi; 01 cuộn dây điện loại cáp đơn 1 lõi. Sau khi lấy trộm toàn bộ tài sản trên đưa lên xe ô tô tải mang biển số 54M - 9895 (xe do T3 mượn của Phạm Văn D, là chủ cơ sở thu mua phế liệu), T3 điều khiển xe chở tài sản trộm được đem bán cho D với giá 39.600.000 đồng (ba mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng); Khi trao đổi mua bán T3 nói là số tài sản đã hư hỏng, hàng phế liệu, D không biết tài sản là do trộm cắp mà có nên D đã đồng ý mua. Số tiền bán được chia nhau mỗi người 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền còn lại tiêu xài trong việc ăn uống. Phạm Văn D sau khi mời làm việc đã khai nhận việc mua toàn bộ tài sản trên từ Đinh Văn T3 và đồng thời giao nộp toàn bộ tài sản cùng xe ô tô 54M - 9895 cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện T.

Theo biên bản và kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐG ngày 21/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 09 cái mô tơ loại 3KW, màu xám, trọng lượng cân nặng 33kg/cái. Trị giá 15.000 đồng/kg mô tơ phế liệu $\times$ 33kg $\times$ 9 cái = 4.455.000 đồng;

- 22 cái mô tơ loại 4KW, màu xám, trọng lượng cân nặng 43kg/cái. Trị giá 15.000 đồng/kg mô tơ phế liệu $\times$ 43kg $\times$ 22 cái = 14.190.000 đồng;

- 18 cái mô tơ có gắn tời, loại 1,5KW, màu xám, trong đó mô tơ cân nặng 21kg/cái, khung tời bằng sắt cân nặng 22kg/cái:

+ 18 cái mô tơ loại 1,5KW, 21kg/cái trị giá: 15.000 đồng/kg mô tơ phế liệu $\times$ 21kg $\times$ 18 cái = 5.670.000 đồng;

+ 18 khung tời bằng sắt, cân nặng 22kg/cái trị giá: 15.000 đồng/kg sắt phế liệu $\times$ 22kg $\times$ 18 cái = 3.690.000 đồng;

- 03 cuộn dây điện 3 pha, loại cáp đơn 04 lõi đồng màu đen cân nặng 112kg (trong đó trọng lượng đồng là 61,6kg), 61,6kg đồng phế liệu trị giá 160.000 đồng/kg $\times$ 61,6kg = 9.856.000 đồng;

- 01 cuộn dây điện 3 pha, loại 01 lõi nhôm màu đen, cân nặng 23kg (trong đó trọng lượng nhôm 6,9kg), 6,9kg nhôm phế liệu trị giá 25.000 đồng/kg $\times$ 6,9kg = 172.500 đồng;

Tổng giá trị tài sản định giá là 38.303.500 đồng (Ba mươi tám triệu, ba trăm lẻ ba ngàn năm trăm đồng).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Ngày 11/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tạm giữ: 09 mô tơ loại 3KW; 22 mô tơ loại 4KW; 18 mô tơ loại 1,5KW; 03 cuộn dây điện 3 pha, loại cáp đơn 04 lõi đồng màu đen cân nặng 112kg và 01 cuộn dây điện 3 pha, loại 01 lõi nhôm màu đen, cân nặng 23kg. Ngày 23/5/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 27, trả lại toàn bộ tài sản trên cho Nguyễn Văn T4, đại diện Công ty cổ phần T5 và X, là bị hại trong vụ án.

- Ngày 11/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tạm giữ: 01 xe ô tô tải, màu trắng, hiệu HYUNDAI, biển số 54M - 9895.

- Ngày 12/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tạm giữ: 01 thẻ nhớ màu đen xanh, ghi chữ 16GB do Phạm Văn D giao nộp, sẽ chuyển vật chứng kèm theo vụ án.

Về phần bồi thường dân sự:

- Ông Nguyễn Văn T4 đại diện Công ty cổ phần T5 và X, là bị hại trong vụ án đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với các đối tượng trộm cắp.

- Đối với xe ô tô biển kiểm soát 54M - 9895 là xe do ông Phạm Văn K1, sinh năm 1970, trú tại thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận (là cha ruột của Phạm Văn D) mua lại của Công ty TNHH X1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Quá trình điều tra xác định xe ô tô trên do T3 mượn của D, việc T3 sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản D không biết. Ngày 25/5/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T ra Quyết định xử lý vật chứng số 53, trả lại 01 xe ô tô tải, màu

trắng, hiệu HYUNDAI, biển số 54M - 9895 cho ông Phạm Văn K1. Số tiền 39.600.000 đồng (ba mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng) các bị can đã thương lượng hoàn trả lại cho D và D không còn yêu cầu gì khác về mặt dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 173/2022/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Ngọc H, Nguyễn Văn H1, Lê Văn Đ, Nguyễn T, Đinh Văn T3, Hàm Trung G đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phan Ngọc H 07 (bảy) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H1 07 (bảy) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn T3 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Hàm Trung G 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 (Mười lăm) tháng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2022 bị cáo Lê Văn Đ và Nguyễn T có đơn kháng cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Văn Đ và bị cáo Nguyễn Thọ g nguyên yêu cầu kháng cáo, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và tuyên phạt bị cáo Đ mức án 02 năm 06 tháng tù giam và bị cáo T 09 tháng tù giam là đã có chiều cố, khoan hồng. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó việc các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Đ và Nguyễn T được làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn Đ và Nguyễn T khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn Đ và bị cáo Nguyễn T: Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án phạt tù về nhiều tội khác nhau nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện đạo đức mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Điều đó thể hiện các bị cáo là người có nhận thức kém, xem thường pháp luật.

Ngoài ra, đối với bị cáo Đ thì lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, còn đối với bị cáo T thì lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của lần phạm tội này là 38.303.500 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ về tội trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS và bị cáo T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng quy định.

Về hình phạt: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã cân nhắc tính

chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để tuyên phạt bị cáo Đ mức án 02 năm 06 tháng tù và áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS để tuyên phạt bị cáo T mức án 09 tháng tù là đã có sự chiếu cố, khoan hồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận là có căn cứ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đ và bị cáo T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ và bị cáo Nguyễn Thọ . Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 173/2022/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

1/ Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Đ và bị cáo Nguyễn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1 Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

1.2 Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn Đ và bị cáo Nguyễn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2023)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKS, CA, TA, THA H.Tuy Phong;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- PV06 – Công an tỉnh Bình Thuận;
- UBND xã Vĩnh Hào;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu